

MỤC LỤC

Chủ đề 1: Số và chữ số 5

Đọc và viết số. Cấu tạo số

Thứ tự và so sánh các số

Tìm số theo điều kiện cho trước.

Chủ đề 2: Biểu thức và các phép toán16

Biểu thức có chứa phép cộng, phép trừ

Biểu thức có chứa phép nhân, phép chia

Biểu thức có chứa dấu ngoặc

Chủ đề 3: Hình học và đo lường26

Hình học

Hình chữ nhật

Đếm hình

Chủ đề 4: Các dạng toán đặc biệt37

So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn

Bài toán rút về đơn vị

Bài toán về tuổi

MỤC LỤC**Chủ đề 5: Tìm quy luật. Sơ đồ. Trồng cây49**

Tìm quy luật

Tính tổng nhanh

Bài toán trồng cây

Chủ đề 6: Phép nhân. Tính ngược.**Bài toán và tuổi..... 62**

Đếm đoạn thẳng, đếm hình.

Tính ngược

Bài toán về tuổi

Chủ đề 7: Lập danh sách. IQ và Logic.**Thừa và thiếu78**

Lập danh sách

IQ và Logic

Thừa và thiếu

Chủ đề 1: Số và chữ số

I. Kiến thức trọng tâm

1. Đọc và viết số. Cấu tạo số

a) *Đọc và viết số*: Xác định các chữ số thuộc các hàng từ lớn đến bé. Đọc và viết bắt đầu từ hàng lớn nhất đến hàng nhỏ nhất.

à Ví dụ: Em hãy đọc số **24506**.

Ta có số **24506** gồm:

+ 2 chục nghìn, 4 nghìn à đọc là **Hai mươi bốn nghìn**

+ 5 trăm, 0 chục, 6 đơn vị à đọc là **năm trăm linh sáu**

Vậy số **24506** đọc là **Hai mươi bốn nghìn năm trăm linh sáu**.

b) *Cấu tạo số*: Xác định hàng của các chữ số và chữ số ở hàng nào có giá trị ở hàng đó.

à Ví dụ: Viết số **4506** thành tổng các trăm, chục, đơn vị

Ta có số **4506** gồm: 4 nghìn, 5 trăm, 0 chục, 6 đơn vị.

Vậy **4506** = **4000** + **500** + **6**

c) *Bài toán thêm bớt chữ số*: Giải dạng toán này bằng cách phân tích cấu tạo số.

à Ví dụ: Nếu thêm chữ số **4** vào bên phải một số có hai chữ số, ta được số mới lớn hơn số đó **319** đơn vị.

Giải:



Gọi số đó là ab (a khác 0), ta có:

$$ab - ab = 319$$

$$10 \times ab + 4 - ab = 319$$

$$9 \times ab = 319 - 4 = 315$$

$$ab = \frac{315}{9} = 35$$

Vậy số đó là **35**.

2. Thứ tự và so sánh các số.

a) *So sánh và sắp xếp các số theo thứ tự:*

+ So sánh các số theo số lượng số chữ số. Nếu có cùng số chữ số thì so sánh các cặp số theo hàng từ trái qua phải.

+ Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn thì số bé đứng trước, số lớn đứng sau. Sắp xếp số theo thứ tự từ lớn đến bé thì số lớn đứng trước, số bé đứng sau.

à Ví dụ:

Em hãy so sánh **74506** và **74306**

Ta có **74506** và **74306** đều là số có 5 chữ số. Vậy ta so sánh từng cặp chữ số từ trái qua phải.

$$7 = 7; 4 = 4; 5 > 3.$$

$$\text{Vậy } \mathbf{74506} > \mathbf{74306}$$

b) *Lập các số và sắp xếp các số:*

+ Từ các chữ số đề cho, lần lượt chọn từng chữ số làm hàng lớn nhất, và đổi vị trí các chữ số còn lại để lập số mới.

à Ví dụ: Từ các số **2**; **5**; **4**. Hãy viết các số có hai chữ số khác nhau rồi sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

Giải:

+ Chọn **2** là chữ số hàng chục, ta lập được các số: **24**; **25**

+ Chọn **5** là chữ số hàng chục, ta lập được các số: **52**; **54**

+ Chọn **4** là chữ số hàng chục, ta lập được các số: **42**; **45**

Các số sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: **24**; **25**; **42**; **45**; **52**; **54**

3. Tìm số theo điều kiện cho trước

+ *Tìm số biết tổng hoặc hiệu các chữ số*

+ *Tìm số biết tổng hoặc hiệu các chữ số*

} *Sử dụng phương pháp thử.*

Lưu ý: Mỗi chữ số là một trong các số từ 0 đến 9.

à Ví dụ: Viết các số có hai chữ số, biết tổng các chữ số của số đó là **5**.

Giải

Ta có: **0** + **5** = **5**, viết được số **50**

1 + **4** = **5**, viết được số **14** và **41**

2 + **3** = **5**, viết được số **23** và **32**

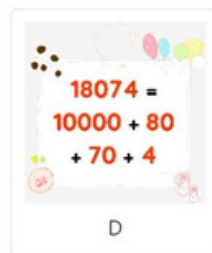
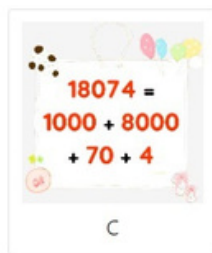
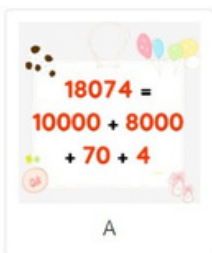
Vậy các số có hai chữ số, có tổng các chữ số của số đó là **5** là: **14**; **23**; **32**; **41** và **50**.

II. Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. “Hai mươi một nghìn không trăm bảy mươi” viết là:



Câu 2. Viết số sau thành tổng: $18074 = ?$



Câu 3. Trả lời câu hỏi sau:

Số liền trước của số nhỏ nhất có năm chữ số?



A 9 trăm, 9 chục, 9 đơn vị

B 9 nghìn, 9 trăm, 9 chục, 9 đơn vị

C 1 chục nghìn, 2 trăm, 3 chục, 3 đơn vị

Câu 4. Số liền sau của số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau, có cấu tạo gồm:



Câu 5. Viết thêm chữ số 4 vào bên phải của một số có hai chữ số ta được một số lớn hơn số phải là 112 đơn vị. Tìm số đó.



Câu 6. Nếu bớt đi chữ số ngoài cùng bên phải của số 10980, thì số này thay đổi như thế nào?



A Tăng thêm 10000 đơn vị

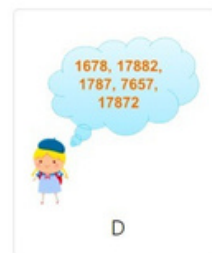
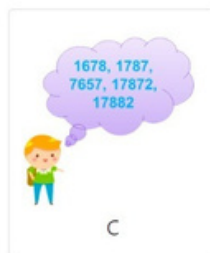
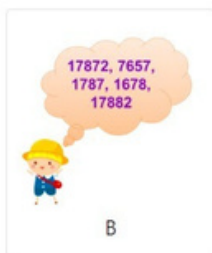
B Giảm đi 10 lần

C Giảm đi 10000 đơn vị

Câu 7. Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu thêm chữ số 9 vào bên phải số đó thì được số mới lớn hơn số cần tìm 297 đơn vị?



Câu 8. Dãy số nào được sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn?



Câu 9. Cho dãy số 1; 3; 5; 7; 9; ... Có số 50 trong dãy không?

1 3 5 7 9 ...

A Có

B Không

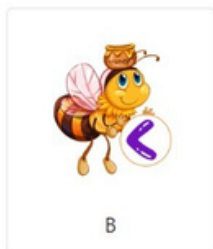
C Không xác định

Câu 10. Cho dãy số 0; 3; 6; 9; Số hạng thứ 10 trong dãy số trên là:

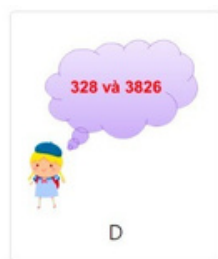
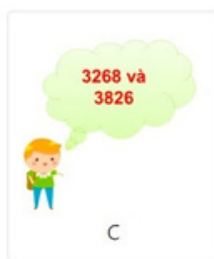


Câu 11. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống:

12067 ... 5678.



Câu 12. Trong các số 3286; 3826; 3682; 3268. Số bé nhất và số lớn nhất lần lượt là:



Câu 13. Tìm a biết: $31a74 > 31874$



Câu 14. Hãy viết các số có ba chữ số khác nhau từ ba chữ số dưới đây rồi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.

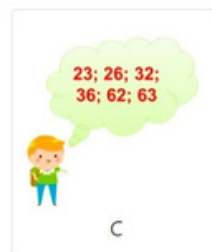
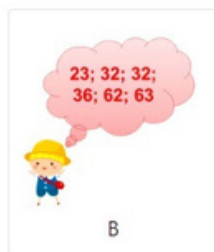


A 531; 513; 315; 351; 153; 135

B 531; 513; 351; 315; 153; 135

C 531; 513; 351; 315; 135; 153

Câu 15. Từ các số 2; 3; 6. Hãy viết các số có hai chữ số khác nhau rồi sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.



Câu 16. Có bao nhiêu số có hai chữ số biết tổng các chữ số của số đó bằng 11?



Câu 17. Có bao nhiêu số có hai chữ số có tổng bằng 8, biết rằng khi đổi chỗ chữ số hàng chục và hàng đơn vị thì số đó không thay đổi.



A



B



C



D

Câu 18. Trả lời câu hỏi sau:

Tìm số có hai chữ số biết hiệu của các chữ số của số đó bằng 6.

A 93; 82; 71; 60

B 93; 39; 82; 28; 71; 17; 60

C 93; 39; 82; 28; 71; 17; 60; 06

Câu 19. Có bao nhiêu số có hai chữ số có thương các chữ số của nó bằng 4 và số đó lớn hơn 40?



A



B



C



D

Câu 20. Tìm:

Các số có hai chữ số mà thương các chữ số của số đó bằng 4 là:

A 82; 123

B 82; 28

C 28; 42

Câu 21. Em hãy đưa ra lựa chọn chính xác nhất:



A 18; 24; 42

B 18; 24; 81

C 18; 24; 42; 81

Câu 22. Có bao nhiêu số có ba chữ số có tích các chữ số bằng 4 và số đó bé hơn 140?



Câu 23. Trả lời câu hỏi sau:

Tìm một số, biết số đó lớn hơn số lớn nhất có ba chữ số khác nhau 9 đơn vị.

A 1007

B 996

C 1008

Câu 24. Tìm một số, biết nếu lấy 50 chia cho số đó thì bằng 20 chia cho 4.



Câu 25. Trả lời câu hỏi sau:

Tìm một số có ba chữ số, biết rằng chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị và chữ số hàng trăm gấp 3 lần chữ số hàng chục.



A 621

B 931

C 842

**Đáp án chủ đề 1**

1A, 2A, 3B, 4C, 5C, 6B, 7A, 8C,
9B, 10B, 11A 12C, 13C, 14B, 15C, 16D,
17A, 18B, , 20B, 21A, 22C, 23C, 24C,
25B. 19C,



Chủ đề 2: Biểu thức và các phép tính

I. Kiến thức trọng tâm

1. Biểu thức có phép cộng, phép trừ

- Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái qua phải.
- Để tính nhanh ta thực hiện các phép tính có kết quả là một số tròn chục, tròn trăm, ... trước rồi mới thực hiện các phép tính còn lại.

à Ví dụ: Tính nhanh biểu thức sau: $4506 + 289 + 2594 - 89$

Giải

$$\begin{aligned} 4506 + 289 + 2594 - 89 &= (4506 + 2594) + (289 - 89) \\ &= 7000 + 200 = 7200 \end{aligned}$$

2. Biểu thức có phép nhân, phép chia

- Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái qua phải.
- Để tính nhanh ta thực hiện các phép tính có kết quả là một số tròn chục, tròn trăm, ... trước rồi mới thực hiện các phép tính còn lại.

à Ví dụ: Tính nhanh biểu thức sau: $5 \times 8 \times 7$

Giải

$$5 \times 8 \times 7 = (5 \times 8) \times 7 = 40 \times 7 = 280$$

3. Biểu thức có dấu ngoặc

- Thực hiện phép tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

à Ví dụ 1: Tính nhanh biểu thức sau: $56 \times (1004 - 999)$

Giải

$$56 \times (1004 - 999) = 56 \times 5 = 180$$

à Ví dụ 2: Tìm y, biết: $18 : y = 8(\text{dư } 2)$

Giải

$$18 : y = 8(\text{dư } 2)$$

$$y = (18 - 2) : 8$$

$$y = 2$$

II. Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Kết quả của biểu thức sau là: $122 + 450 + 38 + 90 = ?$



A



B

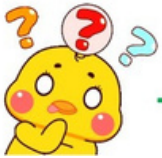


C



D

Câu 2. Tìm một số, biết rằng khi lấy số đó trừ đi 2067 thì được 6253.



$$- 2067 = 6253$$

A

4186

B

8320

C

8220

Câu 3. Có 7 thùng gạo, thùng thứ nhất đựng 20kg gạo. Các thùng còn lại, mỗi thùng đựng 15kg gạo. Hỏi cả 7 thùng có tất cả bao nhiêu ki – lô – gam gạo?



A



B



C



D

Câu 4. Cách tính thuận tiện nhất cho biểu thức sau là:



$$126 + 567 - 26 - 67$$



A $A = (126 + 567) - (26 + 67)$

B $A = (126 - 26) + (567 - 67)$

C $A = (567 - 67) - (126 - 67)$

Câu 5. Tìm x, biết: $x + 345 = 6758 - 543$



Câu 6. Giá trị của biểu thức sau là: $15 + 24 + 76 + 35 + 50 = ?$



Câu 7. Giá trị của biểu thức sau là:

$$1 + 3 + 5 + 7 + \dots + 35 + 37 + 39 = ?$$



Câu 8. Đây là giá trị của biểu thức sau:



$$2 + 4 + 6 + \dots + 36 + 38 + 40$$

A. 400

B. 420

C. 280

Câu 9. Tìm số, biết khi lấy số đó trừ đi số lớn nhất có ba chữ số, rồi cộng với 150 thì bằng số nhỏ nhất có bốn chữ số.



A



B



C



D

Câu 10. Trả lời câu hỏi dưới đây.

Tìm một số, biết khi lấy số đó nhân với 5 rồi nhân với 2 thì được 1010.

A 110

B 101

C 111

Câu 11. Tìm x, biết: $x : 4 = 27$ (dư 3)



A



B



C



D

Câu 12. Tìm x , biết: $123 + (24 : x) = 131$



Câu 13. Có 10 bao thóc, nếu lấy ra ở mỗi bao 10kg thóc thì số thóc lấy ra bằng một nửa tổng số thóc. Hỏi có tất cả bao nhiêu ki – lô – gam thóc?



A 200kg



B 100kg



C 50kg

Câu 14. Biết nếu lấy số tròn chục lớn nhất chia cho số chia thì thương là số nhỏ nhất có hai chữ. Tìm số chia.



Câu 15. Tính giá trị của biểu thức: $124 \times 3 + 124 \times 6 + 124 = ?$



Câu 16. Giá trị của biểu thức: $125 \times 3 + 14 \times 125 - 7 \times 125 = ?$



A



B



C



D

Câu 17. Tìm, biết:

$$42 : x = 8 \text{ (dư 2)}$$

A 6

B 5

C 4

Câu 18. Tìm một số, biết khi lấy số lớn nhất có bốn chữ số trừ đi số đó thì được một biểu thức có giá trị bằng biểu thức $B = 345 + 1356$

Số đó là:



A 8298

B 7298

C 8198

Câu 19. Giá trị của biểu thức sau là: $23 \times (1004 - 999) = ?$



A



B



C



D

Câu 20. Tìm x, biết

$$56 : (x + 3) = 8$$

A 3

B 4

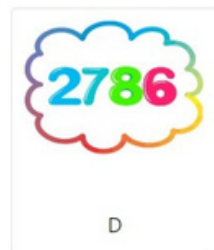
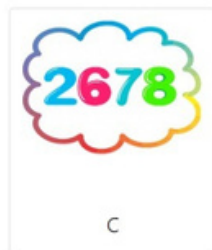
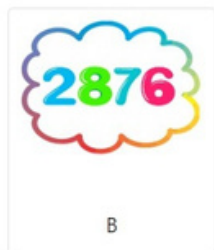
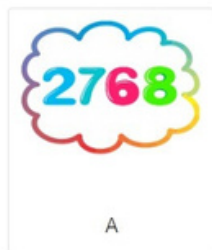
C 5

Câu 21. Tìm y, biết: $58 : y = 8$ (dư 2)



Câu 22. Tính giá trị của biểu thức A, biết trong dấu ngoặc có 103 chữ số 4.

$$A = 3522 - (4 + 4 + 4 + \dots + 444)$$



Câu 23. Tính giá trị của biểu thức sau:

$$(3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 5) \times (5 \times 6 - 30) = ?$$



Câu 24. Giá trị của biểu thức A là:

$$A = 100 - 96 \times (43 \times 6 - 2 \times 43 \times 3)$$

A

$$A = 4$$

B

$$A = 100$$

C

$$A = 10$$

Câu 25. Giá trị của biểu thức:

$$2500 - 1000 + 1500 - 2000 + 3500 - 3000 \text{ là:}$$

1520

A

2500

B

1500

C

1502

D

**Đáp án chủ đề 2**

1A, 2B, 3C, 4B, 5C, 6A, 7C, 8B, 9C,
10B, 11A, 12C, 13A, 14C, 15D, 16C, 17B,
18A, 19D, 20B, 21A, 22C, 23D, 24B, 25C.

Chủ đề 3: Hình học và đo lường

I. Kiến thức trọng tâm

1. Hình vuông

a) *Chu vi* : Muốn tính chu vi hình vuông, ta lấy độ dài một cạnh nhân với **4**.

b) *Diện tích* : Muốn tính diện tích hình vuông, ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

c) *Cạnh* : Muốn tính cạnh hình vuông, ta lấy chu vi chia cho **4**.

d) *Tăng giảm chu vi, diện tích hình vuông*:

+ Khi cạnh hình vuông tăng hoặc giảm a lần thì chu vi hình vuông tăng a lần.

+ Khi cạnh hình vuông tăng hoặc giảm a lần thì diện tích tăng hoặc giảm $a \times a$ lần

à Ví dụ: Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Biết hình chữ nhật có chiều dài là **5**dm và chiều rộng bằng **1/5** chiều dài. Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu đề - xi - mét?

Giải

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$\mathbf{5} : \mathbf{5} = \mathbf{1}(\text{dm})$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(\mathbf{5} + \mathbf{1}) \times \mathbf{2} = \mathbf{12}(\text{dm})$$

Vì hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Nên chu vi hình vuông cũng là **12**dm.

Đáp số: **12**dm

2. Hình chữ nhật

a) *Chu vi* : Muốn tính chu vi hình chữ nhật, ta lấy chiều dài cộng chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với **2**.

b) *Diện tích* : Muốn tính diện tích hình chữ nhật, ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

c) *Nửa chu vi* : Muốn tính nửa chu vi hình chữ nhật, ta lấy chu vi chia cho **2**. Hoặc lấy chiều dài cộng với chiều rộng.

d) *Chiều dài (chiều rộng)* : Muốn tính chiều dài (chiều rộng) hình chữ nhật, ta lấy nửa chu vi trừ đi chiều rộng (chiều dài).

e) *Tăng giảm diện tích hình chữ nhật*:

+ Khi chiều dài hoặc chiều rộng hình chữ nhật tăng hoặc giảm a lần thì diện tích tăng hoặc giảm a lần

à Ví dụ: Một hình chữ nhật có diện tích là 56 dm^2 . Khi chiều rộng giảm **2** lần và chiều dài tăng **4** lần thì diện tích hình chữ nhật lúc này là bao nhiêu?

Giải

Khi chiều rộng giảm **2** lần và chiều dài tăng **4** lần thì diện tích hình chữ nhật tăng **2** lần.

Diện tích hình chữ nhật lúc này là:

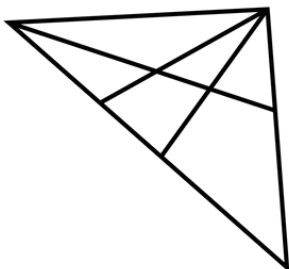
$$56 \times 2 = 112 (\text{dm}^2)$$

Đáp số: **112**dm²

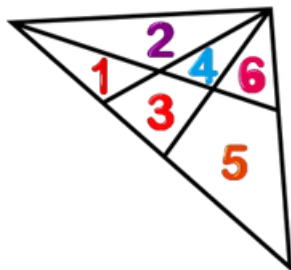
3. Đếm hình

- Đánh số thứ tự cho các hình nhỏ. Đếm các hình đơn sau đó đếm các hình được tạo từ 2, 3, 4, ... hình nhỏ.

à Ví dụ: Đếm số hình tam giác trong hình sau:



Giải



à Các hình tam giác đơn là: 1; 2; 4 và 6.

à Các hình tam giác ghép từ 2 hình: 1 + 2;

1 + 3; 2 + 4 3 + 4 3 + 5 và 5 + 6

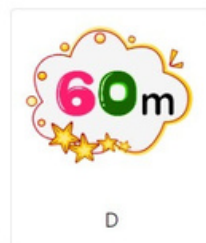
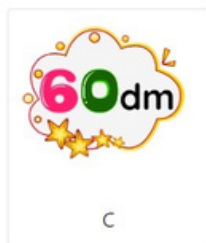
à Các hình tam giác ghép từ 3 hình: 1 + 2 + 3; 1 + 2 + 4; 1 + 3 + 4; 2 + 3 + 4; 2 + 4 + 5; 3 + 4 + 5 và 4 + 5 + 6.

à Các hình tam giác ghép từ 4 hình: 1 + 2 + 3 + 4; 1 + 2 + 4 + 5; 1 + 3 + 4 + 5; 2 + 3 + 4 + 5; 2 + 4 + 5 + 6; 3 + 4 + 5 + 6 và 4 + 5 + 6 + 1.

Vậy có tất cả 15 hình tam giác.

II. Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Một cái ao hình chữ nhật có chiều dài 200dm. Chiều rộng bằng một nửa chiều dài. Hỏi chu vi cái ao đó là bao nhiêu mét?



Câu 2. Trả lời câu hỏi sau:

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh khu vườn đó và để 2 cửa ra vào, mỗi cửa rộng 2m. Hỏi hàng rào đó dài mấy mét?

A 67m

B 76m

C 80m

Câu 3. Trả lời câu hỏi sau:

Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 45cm. Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó, biết chiều dài là 3dm.

A 43cm

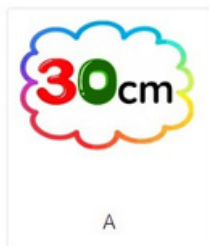
B 15cm

C 21cm

Câu 4. Một hình chữ nhật có chu vi là 50dm. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó, biết chiều rộng là 6dm.



Câu 5. Một hình vuông có chu vi là 180cm. Nếu độ dài cạnh hình vuông giảm 3 lần thì lúc này chu vi hình vuông là bao nhiêu?



Câu 6. Trả lời câu hỏi sau:



- A Giảm 100 lần
- B Tăng 100 lần
- C Không thay đổi

Câu 7. Khi giảm chiều dài đi 5cm thì được một hình vuông có chu vi là 36cm. Tính chu vi hình chữ nhật ban đầu.



Câu 8. Trả lời câu hỏi sau:

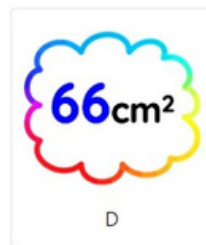


Một mảnh đất hình vuông có cạnh là tích của 6dm và số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau. Tính diện tích của mảnh đất đó.



- A 36 đề-xi-mét vuông
- B 36 mét vuông
- C 42 mét vuông

Câu 9. Một hình chữ nhật có chiều rộng là 4cm. Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



Câu 10. Trả lời câu hỏi sau:

Một hình chữ nhật có diện tích là 45cm^2 . Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó, biết chiều dài là 9cm.

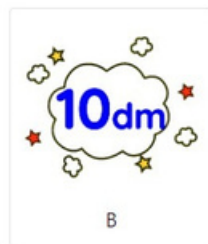


A 4cm

B 5cm

C 2cm

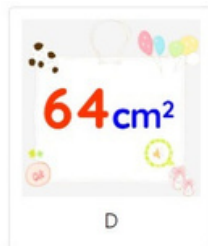
Câu 11. Một hình chữ nhật có diện tích là 50dm^2 . Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó, biết chiều dài hình chữ nhật bằng cạnh của hình vuông có diện tích 100dm^2 .



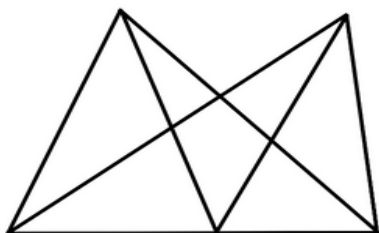
Câu 12. Khi cạnh hình vuông tăng gấp 3 lần thì diện tích hình vuông đó thay đổi như thế nào?



Câu 13. Một hình chữ nhật nếu giảm chiều dài đi 5cm thì được một hình vuông có diện tích là 36cm^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.



Câu 14. Hình này có bao nhiêu hình tam giác và bao nhiêu hình tứ giác?

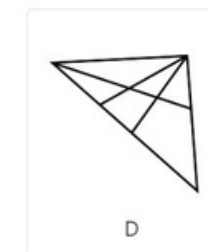
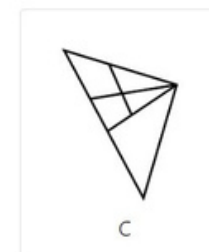
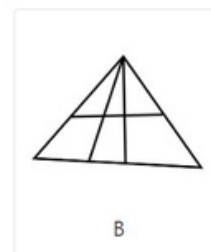


A 15 hình tam giác và 5 hình tứ giác

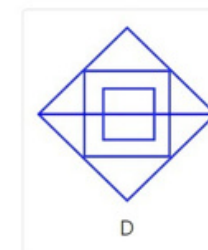
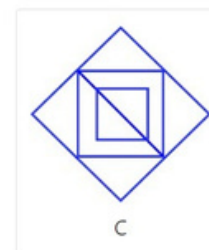
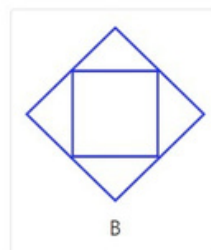
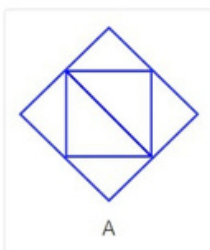
B 17 hình tam giác và 5 hình tứ giác

C 17 hình tam giác và 6 hình tứ giác

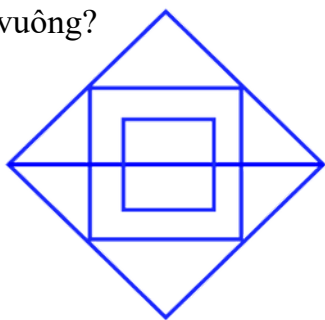
Câu 15. Hình nào có 12 hình tam giác và 6 hình tứ giác?



Câu 16. Hình nào có 4 hình tam giác và 2 hình vuông?



Câu 17. Hình này có bao nhiêu hình tam giác và bao nhiêu hình vuông?

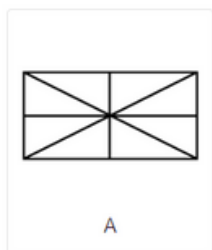


A 8 hình tam giác và 3 hình vuông

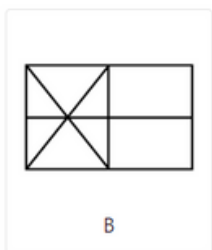
B 10 hình tam giác và 3 hình vuông

C 12 hình tam giác và 3 hình vuông

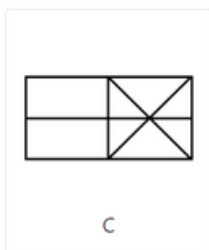
Câu 18. Hình nào có 16 hình tam giác và 9 hình chữ nhật?



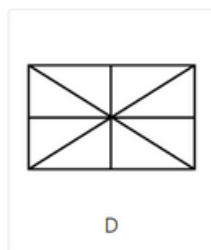
A



B

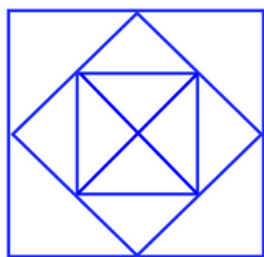


C



D

Câu 19. Số hình tam giác, hình chữ nhật và hình vuông trong hình dưới đây lần lượt là: . . .

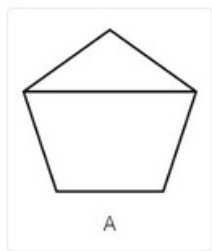


A 16; 7; 4

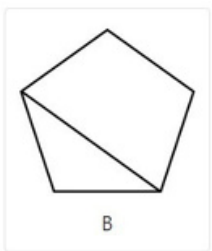
B 7; 4; 16

C 16; 4; 7

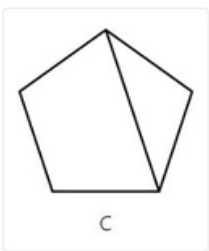
Câu 20. Hình nào không được chia thành 1 hình tam giác và 1 hình tứ giác?



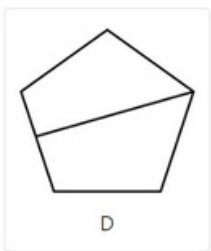
A



B

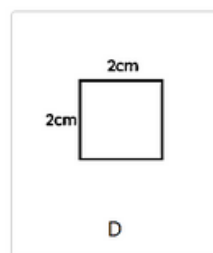
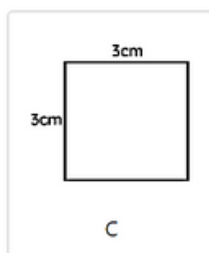
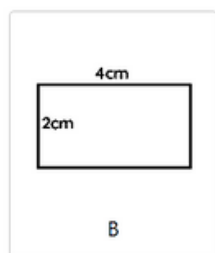
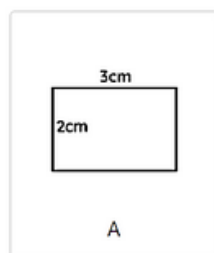


C



D

Câu 21. Hình nào được ghép từ 6 hình vuông có cạnh 1cm?



Câu 22. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



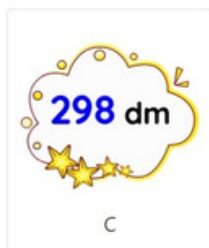
$$3 \text{ hm} \times 6 + 1476 \text{ m} = \dots \text{ m}$$

A 1494

B 3276

C 4506

Câu 23. Tính: $245 \text{ dm} + 654 \text{ dm} : 3$



Câu 24. Đổi:



$$4570 \text{ phút} = \dots \text{ giờ } \dots \text{ phút}$$

A. 76 giờ 4 phút

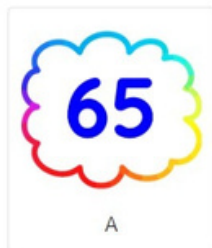
B. 76 giờ 10 phút

C. 761 giờ 4 phút



Câu 25. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$2 \text{ giờ } 5 \text{ phút} = \dots \text{ phút}$$



**Đáp án chủ đề 3**

1D, 2B, 3B, 4C, 5D, 6B, 7C, 8B, 9A,
10B, 11C, 12D, 13C, 14B, 15B, 16B, 17B,
18D, 19C, 20D, 21A, 22B, 23D, 24B, 25B.



Chủ đề 4: Các dạng toán đặc biệt

I. Kiến thức trọng tâm

1. So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn

- + Bước 1: So sánh số lớn gấp mấy lần số bé (thực hiện phép chia)
 - + Bước 2: Kết luận (Số lớn gấp a lần số bé thì số bé bằng $1/a$ số lớn)
- à Ví dụ: Biết $1/3$ tấm vải đỏ dài 8m. Tấm vải xanh dài 4m. Hỏi tấm vải xanh dài bằng một phần mấy tấm vải đỏ?

Giải

Tấm vải đỏ dài số mét là:

$$8 \times 3 = 24(\text{m})$$

Tấm vải đỏ dài gấp tấm vải xanh số lần là:

$$24 : 4 = 6(\text{lần})$$

Vậy tấm vải xanh dài bằng $1/6$ tấm vải đỏ.

Đáp số: $1/6$

2. Bài toán rút về đơn vị

a) Dạng 1:

- + Bước 1: Tính giá trị của một phần (làm phép chia)
- + Bước 2: Tính giá trị của nhiều phần (làm phép nhân)

à Ví dụ: Một quầy tạp hóa có 9 thùng cốc. Sau khi bán đi 450 cái cốc thì quầy đó còn lại 6 thùng cốc. Hỏi trước khi bán quầy đó có bao nhiêu cái cốc?

Giải

Quầy tạp hoá đã bán được số thùng cốc là:

$$9 - 6 = 3 \text{ (thùng)}$$

Mỗi thùng có số cái cốc là:

$$450 : 3 = 150 \text{ (cái)}$$

Trước khi bán quầy đó có số cái cốc là:

$$150 \times 9 = 1350 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 1350 cái cốc

b) Dạng 2:

+ Bước 1: Tính giá trị của một phần (làm phép chia)

+ Bước 2: Tính số phần (làm phép chia)

à Ví dụ: Một cửa hàng có 9 thùng nước mắm như nhau tổng cộng 45 lít, cửa hàng đã bán hết 10 lít nước mắm. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu thùng nước mắm như thế?

Giải

Mỗi thùng có số lít nước mắm là:

$$45 : 9 = 5 \text{ (lít)}$$

Cửa hàng đã bán hết số thùng nước mắm là:

$$10 : 5 = 2 \text{ (thùng)}$$

Cửa hàng còn lại số thùng nước mắm là:

$$9 - 2 = 7(\text{thùng})$$

Đáp số: 7 thùng nước mắm

3. Bài toán về tuổi

à Ví dụ: Tuổi của mẹ và con hiện nay là 54 tuổi, biết rằng tuổi của mẹ gấp 5 lần tuổi con. Hỏi hai năm nữa mẹ bao nhiêu tuổi?

Giải

Tuổi con hiện nay là:

$$54 : 6 = 9(\text{tuổi})$$

Tuổi mẹ hiện nay là:

$$54 - 9 = 45(\text{tuổi})$$

Tuổi mẹ hai năm nữa là:

$$45 + 2 = 47(\text{tuổi})$$

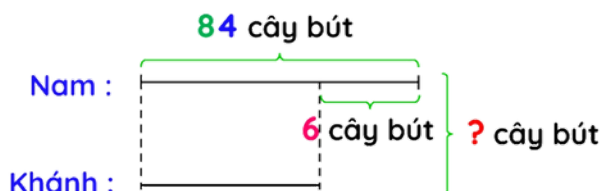
Đáp số: 47 tuổi

II. Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Băng giấy hồng dài 80cm. Băng giấy xanh dài hơn băng giấy hồng 30cm và ngắn hơn băng giấy tím 10cm. Hỏi cả ba băng giấy dài bao nhiêu xăng – ti – mét?



Câu 2. Giải bài toán theo tóm tắt dưới đây



A. 78 cây bút

B. 162 cây bút

C. 152 cây bút

Câu 3. Có 400 cuốn sách đựng trong 4 ngăn. Biết ngăn 1 có 97 cuốn sách. Sau khi chuyển 25 cuốn sách từ ngăn 2 sang ngăn 4, thì số sách của ngăn 2, ngăn 3 và ngăn 4 bằng nhau. Tính số sách ban đầu của ngăn 4.



Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

... $\xrightarrow{\text{Gấp 6 lần}}$ 294

A 43

B 49

C 68

Câu 5. Lan cắt được 66 bông hoa. Hoa cắt được số bông gấp đôi số bông của Lan và gấp 3 lần số bông của Nga. Hỏi Nga cắt được bao nhiêu bông hoa?

396

A

99

B

44

C

366

D

Câu 6. Trả lời câu hỏi sau:



Tìm một số biết rằng,
khi giảm số đó 2 lần rồi
tăng thêm 68 đơn vị thì
được 131.



A 126

B 116

C 226

Câu 7. Để đến trường, An phải đi qua chợ. Biết đoạn đường từ chợ đến trường dài 900m và gấp 3 lần đoạn đường từ nhà đến chợ. Hỏi đoạn đường từ nhà An đến trường dài bao nhiêu mét?

2700

A

1400

B

1200

C

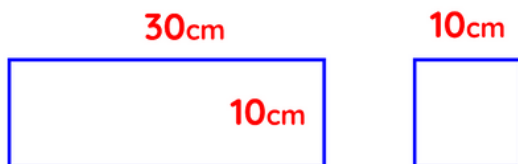
1800

D

Câu 8. Một cửa hàng, ngày thứ nhất bán được 40 bộ chén, ngày thứ hai bán được ít hơn ngày thứ nhất 30 bộ chén. Hỏi số bộ chén ngày thứ hai bán được bằng một phần mấy số bộ chén ngày thứ nhất bán được?



Câu 9. Cho hình chữ nhật và hình vuông như hình. Hãy tính xem chu vi hình vuông bằng một phần mấy chu vi hình chữ nhật?



A. $\frac{1}{5}$

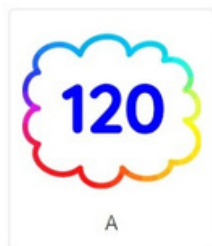
B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{3}$

Câu 10. Biết $\frac{1}{4}$ băng giấy xanh dài 6m và băng giấy xanh dài bằng $\frac{1}{2}$ băng giấy đỏ. Hỏi cả hai băng giấy dài bao nhiêu mét?



Câu 11. Một người bán trứng, đi đến cửa hàng ăn bán được $\frac{1}{2}$ số trứng. Đến chợ bán cho hai người, một người 40 quả và một người 18 quả thì trong giỏ còn lại 12 quả trứng. Hỏi ban đầu người đó có bao nhiêu quả trứng?



Câu 12. Trả lời câu hỏi sau:

 Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật có chiều dài 6cm và chiều rộng 4cm. Tính diện tích hình vuông đó. 

A. 25cm²

B. 100cm²

C. 50cm²

Câu 13. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 4m và diện tích là 400m². Người ta định trồng chuối dọc theo hai cạnh dài của mảnh đất, biết cứ cách 4m thì trồng một cây chuối. Hỏi có bao nhiêu cây chuối được trồng?



Câu 14. Có 8 can nước chứa 40 lít nước. Hỏi có 5 can như thế chứa bao nhiêu lít nước?



Câu 15. Trả lời câu hỏi sau:

 Hà có 5 hộp kẹo như nhau, đựng tất cả 125 cái. Hà cho các bạn hết 3 hộp kẹo. Hỏi Hà còn lại bao nhiêu cái kẹo? 

A. 25 cái kẹo

B. 75 cái kẹo

C. 50 cái kẹo

Câu 16. Một đội công nhân trong 8 ngày sửa được 1576m đường. Trong 6 ngày đội công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?



Câu 17. Trả lời câu hỏi sau:

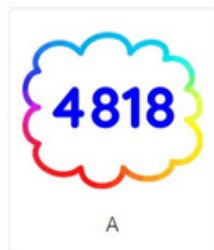
 Một người có 32kg gạo đổ đều vào 8 túi, đã bán một số túi gạo được 20kg gạo. Hỏi người đó còn lại mấy túi gạo? 

A. 5 túi gạo

B. 2 túi gạo

C. 3 túi gạo

Câu 18. Một cửa hàng có 59742kg gạo, người ta đã bán đi 15813kg gạo. Số gạo còn lại đóng vào các gói, mỗi gói 9kg gạo. Hỏi số gạo còn lại đóng được bao nhiêu gói?



Câu 19. Trả lời câu hỏi sau:



Ông năm nay hơn cháu 49 tuổi, 4 năm nữa tuổi ông gấp 8 lần tuổi cháu. Hỏi hiện tại cháu bao nhiêu tuổi?



A. 7 tuổi

B. 5 tuổi

C. 3 tuổi

Câu 20. Năm nay Liên 8 tuổi. Tuổi Liên bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ, và tuổi bà thì gấp 2 lần tuổi mẹ. Hỏi năm nay bà bao nhiêu tuổi?



Câu 21. Hiện nay tổng tuổi con và bố là 56 tuổi. Biết tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi bố. Hỏi 5 năm nữa bố hơn con bao nhiêu tuổi?



Câu 22. Để chuẩn bị cho một hội nghị người ta đã kê 9 hàng ghế đủ chỗ cho 81 người ngồi. Trên thực tế có đến 117 người đến dự họp. Hỏi phải kê thêm mấy hàng ghế nữa mới đủ chỗ?



Câu 23. Trả lời câu hỏi sau:



**Bạn Không đếm số viên bi
đựng trong hộp. Nếu đếm
theo tá thì được 10 tá viên bi.
Hỏi đếm theo chục thì được
bao nhiêu chục viên bi?**



A. 6

B. 12

C. 15

Câu 24. Một quãng đường AB dài 124 km. ở A có cột mốc ghi số 0km là cột mốc thứ nhất và cứ sau 1km lại có một cột mốc lần lượt ghi 1km, 2km ... đến B. Hỏi có bao nhiêu cột mốc trên quãng đường AB?

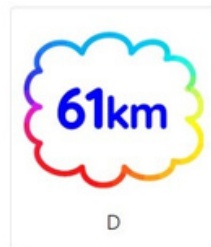
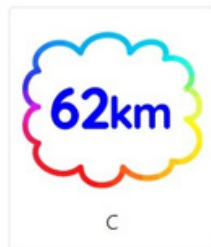
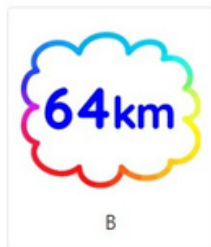
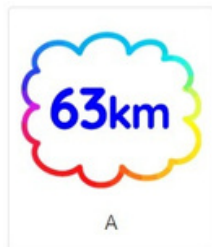


A 124

B 123

C 125

Câu 25. Một quãng đường AB dài 124 km. ở A có cột mốc ghi số 0km là cột mốc thứ nhất và cứ sau 1km lại có một cột mốc lần lượt ghi 1km, 2km ... đến B. Hỏi cột mốc chính giữa quãng đường AB ghi số nào?



**Đáp án chủ đề 4**

1D, 2B, 3A, 4B, 5C, 6A, 7C, 8D, 9B,
10C, 11B, 12A, 13D, 14D, 15B, 16C, 17C,
18D, 19C, 20D, 21C, 22D, 23B, 24C, 25C.



Chủ đề 5: Tìm quy luật. Sơ đồ. Trồng cây.

I. Kiến thức trọng tâm

1. Tìm quy luật

- Dựa vào các số đề bài đã cho tìm ra quy luật của dãy số. Từ đó tìm được các số còn thiếu trong dãy số.
- Một số dạng quy luật trong dãy số:
 - + Dãy số cách đều: Hai số liên kề nhau hơn kém nhau một số đơn vị.
 - + Dãy số có số sau bằng tổng hai số trước.
 - + Dãy số có số sau gấp số trước một số lần.
 - + Dãy số có quy luật là dãy số phụ: Mỗi quan hệ giữa các số hạng tạo thành một dãy số có quy luật.
 - + Dãy số đếm được xếp thành hình vẽ theo quy luật.

à Ví dụ: Chodãy số 1; 4; 9; 16; ...; ...

Điền vào chỗ trống số hạng tiếp theo của dãy số.

Giải

Tathây: $4 - 1 = 3$

$9 - 4 = 5$

$16 - 9 = 7$

Nên dãy số trên là dãy số có quy luật hiệu của hai số liên nhau tạo thành một dãy số lẻ.

Như vậy các số cần điền tiếp theo là: **25; 36**.

2. Tính tổng nhanh

- Bước 1: Nhóm thành các tổng bằng nhau.
- Bước 2: Tính số lượng các tổng bằng nhau
- Bước 3: Chuyển phép cộng về dạng phép nhân rồi tính.

à Ví dụ: Tính nhanh biểu thức

$$2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11$$

Giải

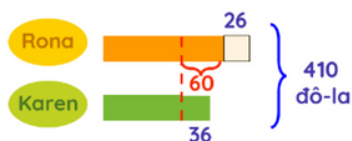
$$\begin{aligned} & 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 \\ &= (2 + 11) + (3 + 10) + (4 + 9) + (5 + 8) + (6 + 7) \\ &= 13 + 13 + 13 + 13 + 13 = 13 \times 5 = 65 \end{aligned}$$

3. Sơ đồ

- Dựa vào các dữ kiện của bài toán để vẽ sơ đồ, rồi từ sơ đồ thực hiện giải bài toán.

à Ví dụ: Rona và Karen có tổng cộng 410 đô-la. Sau khi Rona tiêu hết 26 đô-la và Karen tiêu hết 36 đô-la thì số tiền còn lại của Rona nhiều hơn số tiền còn lại của Karen 60 đô-la. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

Giải



Tổng số tiền hai bạn còn lại là:

$$410 - 26 - 36 = 348 \text{ (đô-la)}$$

$$348 - 60 = 288 \text{ (đô-la)}$$

$$288 : 2 = 144 \text{ (đô-la)}$$

Số tiền Karen có lúc đầu là:

$$144 + 36 = 180 \text{ (đô-la)}$$

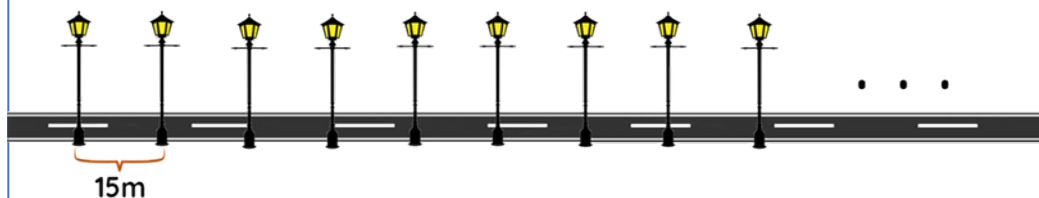
Số tiền Rona có lúc đầu là:

$$410 - 180 = 230 \text{ (đô-la)}$$

4. Bài toán trồng cây

- Nếu trồng cây ở cả hai đầu đường thì: số cây = số khoảng cách + 1
- Nếu không trồng cây ở cả hai đầu đường: số cây = số khoảng cách - 1
- Nếu trồng cây trên một đường khép kín: số cây = số khoảng cách.

à Ví dụ:



Trên đoạn đường, có 41 cột đèn được đặt cách đều nhau. Nếu đặt cột đèn ở cả hai đầu của đoạn đường thì đoạn đường dài bao nhiêu mét, biết khoảng cách giữa mỗi cột là 15m?

Giải

Số khoảng cách giữa 41 cột đèn là:

$$41 - 1 = 40 \text{ (khoảng cách)}$$

Đoạn đường dài là:

$$15 \times 40 = 600 \text{ (m)}$$

Đáp số: 600m



Bộ câu hỏi trắc nghiệm



Câu 1. Hoàn thành dãy số sau bằng cách chọn số thích hợp:

2, 10, 18, 26, _____, _____

34, 42

A

36, 46

B

42, 34

C

30, 42

D

Câu 2. Cho dãy số sau, xác định quy luật để điền số đúng vào dãy số:

1, 8, 3, 10, 5, 12, _____

5

A

4

B

7

C

8

D

Câu 3. Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

11	9
7	5

13	20
8	15

15	17
?	4

A. 1

B. 2

C. 5

Câu 4. Bảng số nào phù hợp?

2	3	4	9
5	1	2	8
4	8	5	12

A

2	3	4	9
5	1	2	8
4	2	5	12

B

2	3	4	9
5	1	2	8
4	3	5	12

C

2	3	4	9
5	1	2	8
4	1	5	12

D

Câu 5. Có bao nhiêu số ở dòng thứ sáu?

1
2 3 4
5 6 7 8
9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19

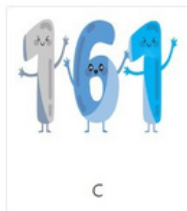
A 5 Số

B 6 Số

C 7 Số

Câu 6. Tìm số còn thiếu trong dãy số sau?

1, 5, 17, 53, _____, 485



Câu 7. Có bao nhiêu cặp có tổng là 61?

$$1 + 2 + 3 + \dots + 58 + 59 + 60$$

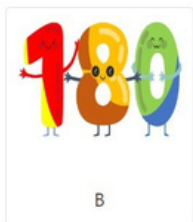
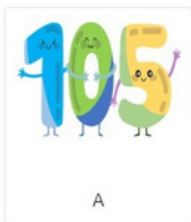
Diagram showing pairs (1, 60), (2, 59), (3, 58), ..., (58, 3), (59, 2), (60, 1) with brackets labeled 61.

A. 30

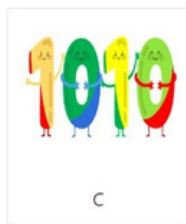
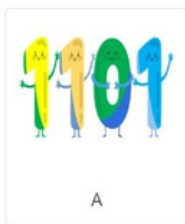
B. 60

C. 80

Câu 8. Minh đọc quyển sách, ngày thứ nhất đọc được 5 trang, ngày thứ hai đọc được 10 trang, ngày thứ 3 đọc được 15 trang. Đến ngày thứ tám thì Minh đọc hết cuốn sách thì hỏi quyển sách có bao nhiêu trang?



Câu 9. Tính tổng của chuỗi số: $102 + 104 + 106 + \dots + 118 + 120 = ?$



Câu 10. Dãy số nào có tổng là:

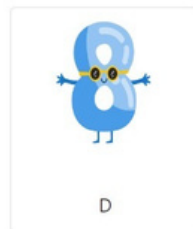


A $6 + 7 - 8 + 9 + 10 - 11 + 12 + 13 - 14 + \dots + 27 + 28 - 29$

B $1 + 2 - 3 + 4 + 5 - 6 + 7 + 8 - 9 + \dots + 28 + 29 - 30$

C $2 + 3 - 4 + 5 + 6 - 7 + 8 + 9 - 10 + \dots + 29 + 30 - 31$

Câu 11. Tìm số hạng 28 trong dãy số: 2, 4, 6, 8, 2, 4, 6, 8, 2, 4, 6, 8, ...



Câu 12. Một cửa hàng gấu bông bán được như sau: Ngày 1 bán được 3 gấu bông; Ngày 2 bán được 6 gấu bông; Ngày 3 bán được 9 gấu bông Hỏi cửa hàng đó sẽ bán được tất cả bao nhiêu gấu bông vào đến ngày 10?

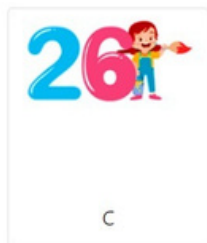
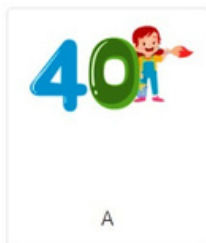


A 115 gấu bông

B 145 gấu bông

C 165 gấu bông

Câu 13. Đội thi vẽ của trường có 45 bạn. Nữ nhiều hơn nam 7 bạn. Hỏi có bao nhiêu bạn nữ trong đội thi vẽ?



Câu 14. Trong trang trại, người nông dân trồng 235 cây táo và cây cam. Số cây cam nhiều hơn số cây táo là 35 cây. Hỏi có bao nhiêu cây táo và cây cam?



A. 90 cây táo; 145 cây cam

B. 100 cây táo; 135 cây cam

Câu 15. Anna và Mary có tổng cộng 50 bông hoa. Số bông hoa của Anna nhiều hơn của Mary nên Anna cho Mary 5 bông để số bông của hai bạn bằng nhau. Hỏi ban đầu mỗi bạn có bao nhiêu bông hoa?



Câu 16. Mina và Gina mua tổng cộng 30 quyển sách. Nếu Mina cho Gina 6 quyển sách thì Mina sẽ có ít hơn Gina 2 quyển sách. Hỏi lúc đầu mỗi bạn mua bao nhiêu quyển sách?



A. Gina: 12 quyển sách, Mina: 18 quyển sách

B. Gina: 14 quyển sách, Mina: 16 quyển sách

C. Gina: 10 quyển sách, Mina: 20 quyển sách

Câu 17. Giỏ số 1 có 53 quả đào. Giỏ số 2 có 85 quả đào. Hỏi cần phải chuyển bao nhiêu quả đào từ giỏ số 1 sang giỏ số 2 để số đào trong giỏ số 2 nhiều gấp 5 lần giỏ số 1?



Câu 18. Shilla có 55 đô-la. Eric có 86 đô-la. Hỏi Shilla phải đưa cho Eric bao nhiêu tiền để số tiền của Eric nhiều gấp 2 lần số tiền của Shilla?

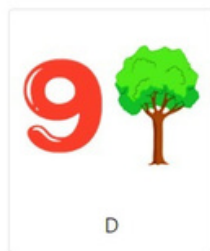


A. 5 đô-la

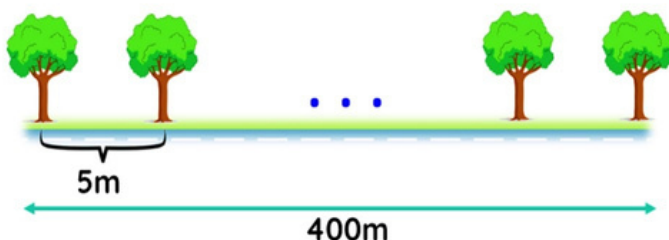
B. 8 đô-la

C. 10 đô-la

Câu 19. Cây xanh được trồng dọc theo một con đường dài 10m. Khoảng cách giữa 2 cây là 2m. Hỏi có thể trồng bao nhiêu cây trên con đường đó biết cả hai đầu đoạn đường đều trồng cây?



Câu 20. Trên con đường dài 400m các cây được trồng với khoảng cách 5m. Hỏi có bao nhiêu cây được trồng trên con đường đó, biết cây được trồng tại cả hai đầu đoạn đường?

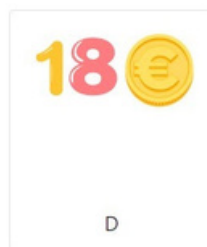
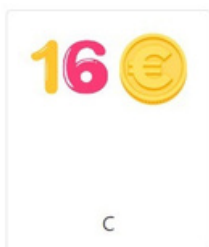


A. 101 cây

B. 91 cây

C. 81 cây

Câu 21. David dùng các đồng xu để xếp thành hình tam giác. Mỗi góc của tam giác có một đồng xu. Hỏi David cần dùng bao nhiêu đồng xu nếu mỗi cạnh của tam giác có 5 đồng xu?



Câu 22. John mất 10 phút để cưa một khúc gỗ thành 3 đoạn có chiều dài bằng nhau. Hỏi John phải mất bao lâu để cưa khúc gỗ thành 9 đoạn bằng nhau?



A. 40 phút

B. 35 phút

C. 21 phút

Câu 23. Hai quả mãng cụt có khối lượng 60g. 2 quả cam có khối lượng bằng 4 quả mãng cụt. Hỏi khối lượng của 1 quả cam là bao nhiêu gam?



A



B



C



D

Câu 24. Tìm giá tiền của bánh kem, biết:

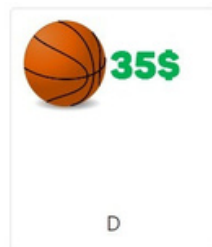
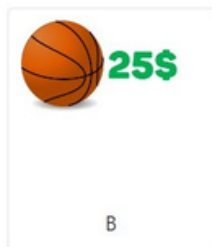


A. 9\$

B. 15\$

C. 8\$

Câu 25. 2 quả bóng chuyên giống nhau và 3 quả bóng rổ cùng loại có giá 200\$. 4 quả bóng chuyên và 5 quả bóng rổ cùng loại có giá 360\$. Hỏi mỗi quả bóng rổ có giá bao nhiêu?



Câu 26. 3 quả ổi và 3 quả lê có khối lượng 460g. 3 quả ổi và 6 quả lê tương tự có khối lượng 550g. Hỏi một quả lê nặng bao nhiêu gam?

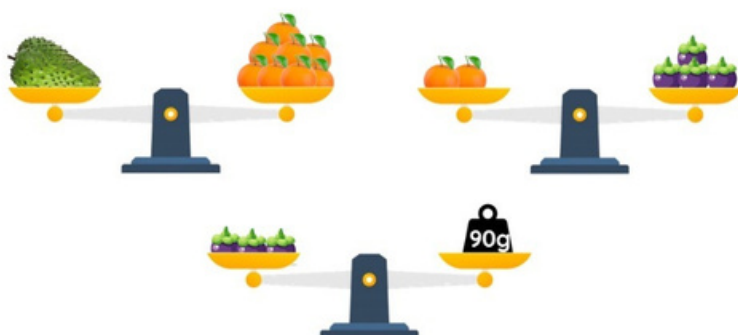


A. 35g

B. 30g

C. 26g

Câu 27. Hỏi khối lượng của một quả măng cầu là bao nhiêu?



A. 320g

B. 480g

C. 500g

Câu 28. Chiếc đồng hồ quả lắc lúc 4 giờ đánh 4 tiếng chuông trong 20 giây. Hỏi lúc 7 giờ đánh 7 tiếng chuông trong bao nhiêu giây?

21 giây

A

35 giây

B

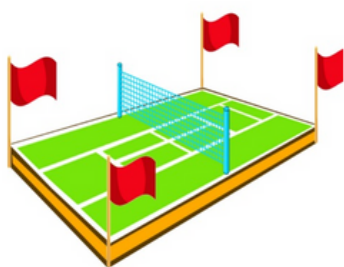
40 giây

C

57 giây

D

Câu 29. Mỗi cạnh của sân đấu cầu lông được cắm 20 lá cờ. Tại mỗi góc có một lá cờ. Hỏi có tổng cộng bao nhiêu lá cờ được cắm trên sân?



A. 60 lá cờ

B. 76 lá cờ

C. 88 lá cờ

**Đáp án chủ đề 5**

1A, 2C, 3B, 4A, 5C, 6C, 7A, 8B, 9D,
10C, 11D, 12C, 13C, 14B, 15A, 16C, 17C,
18B, 19A, 20C, 21A, 22A, 23D, 24B, 25C,
26B, 27B, 28B, 29B.



Chủ đề 6: Phép nhân. Tính ngược. Bài toán về tuổi

I. Kiến thức trọng tâm

1. Đếm đoạn thẳng, đếm hình.

a) *Đếm đoạn thẳng*: Đếm số đoạn thẳng dựa vào số điểm.

Số đoạn thẳng = $n \times (n - 1) : 2$ Trong đó: n là số điểm.

à Ví dụ: Có bao nhiêu đoạn thẳng không bằng nhau trong hình dưới đây?



Giải

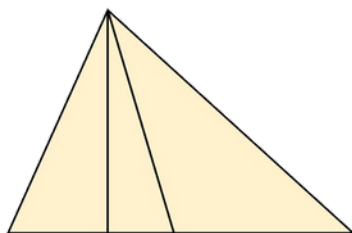
Trong hình ảnh trên có 5 điểm.

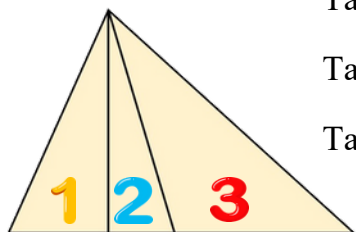
$$\text{Số đoạn thẳng} = 5 \times (5 - 1) : 2 = 10$$

Vậy có 10 đoạn thẳng không bằng nhau.

b) *Đếm hình*: Đánh số thứ tự cho các hình nhỏ. Sau đó đếm số hình đơn, tiếp đến là đếm các hình được ghép từ 2, 3, 4, 5, ... hình nhỏ. Rồi cộng lại.

à Ví dụ: Đếm số hình tam giác trong hình dưới đây.



Giải

Tam giác đơn: 1, 2, 3

Tam giác ghép từ 2 hình: $1 + 2$; $2 + 3$

Tam giác ghép từ 3 hình: $1 + 2 + 3$

Vậy có tất cả 6 hình tam giác

2. Tính ngược

- Một số phép tính ngược của nhau là:

+ Phép tính ngược của phép cộng + (thêm vào, tăng lên) là phép trừ - (bớt đi, giảm đi)

+ Phép tính ngược của phép trừ - là phép cộng +

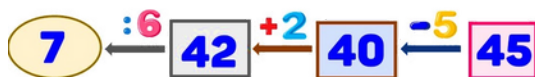
+ Phép tính ngược của phép nhân $\times$ (gấp bao nhiêu lần) là phép chia : (giảm đi bao nhiêu lần)

+ Phép tính ngược của phép chia : là phép nhân $\times$

à Ví dụ: Điền số thích hợp vào dấu chấm hỏi.

**Giải**

Để tìm dấu chấm hỏi ta thực hiện tính ngược từ sau về trước và có kết quả như sau:



Vậy số cần tìm là 7

3. Bài toán về tuổi

+ Dùng phương pháp sơ đồ đoạn thẳng để giải.

+ Hiệu số tuổi của 2 người không thay đổi theo thời gian.

à Ví dụ: Tuổi của Hoa năm nay là 8 tuổi, 3 năm sau, Hoa kém anh của mình 4 tuổi. Hỏi năm nay anh của Hoa bao nhiêu tuổi?

Giải

Vì hiệu số tuổi của hai người không thay đổi, nên anh hơn Hoa 4 tuổi.

Số tuổi anh của Hoa năm nay là:

$$8 + 4 = 12(\text{tuổi})$$

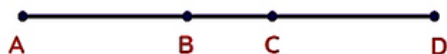
Đáp số: 12 tuổi



Bộ câu hỏi trắc nghiệm



Câu 1. Có bao nhiêu đoạn thẳng có chiều dài khác nhau?

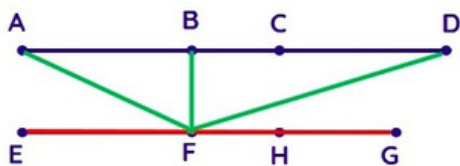


A. 2 đoạn thẳng

B. 6 đoạn thẳng

C. 4 đoạn thẳng

Câu 2. Có bao nhiêu đoạn thẳng có chiều dài khác nhau?

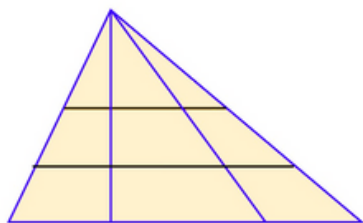


A. 9 đoạn thẳng

B. 16 đoạn thẳng

C. 15 đoạn thẳng

Câu 3. Có bao nhiêu hình tam giác?

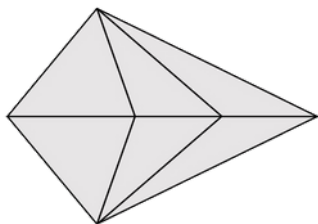


A. 16 hình tam giác

B. 18 hình tam giác

C. 20 hình tam giác

Câu 4. Có bao nhiêu hình tam giác?

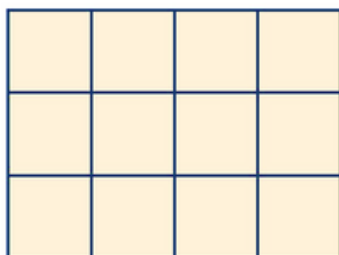


A. 10 hình tam giác

B. 6 hình tam giác

C. 12 hình tam giác

Câu 5. Có bao nhiêu hình vuông?

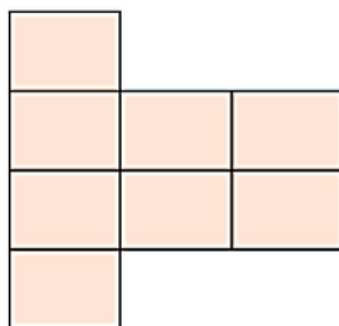


A. 24 hình vuông

B. 26 hình vuông

C. 20 hình vuông

Câu 6. Có bao nhiêu hình chữ nhật?



A. 25 hình chữ nhật

B. 24 hình chữ nhật

C. 20 hình chữ nhật

Câu 7. Tính nhanh: $42 + 69 + 18 + 31 = ?$

160

A

180

B

190

C

200

D

Câu 8. Tính nhanh

84 + 73 + 27 + 16

A. 180

B. 190

C. 200

Câu 8. Tính nhanh: $624 + 24 + 176 = ?$



842

A



748

B



724

C



824

D

Câu 10. Tính nhanh: $24 + 28 + 18$



100

A



90

B



70

C



80

D

Câu 11. Tính nhanh:

$$438 - (238 + 180)$$

A. 30

B. 20

C. 40

Câu 12. Tính nhanh: $40 \times 6 \times 25 = ?$



A



B



C



D

Câu 13. Tính nhanh:

$$9 + 27 + 28 + 26$$

A. 90

B. 100

C. 70

Câu 14. Tính nhanh: $624 - (324 - 42) = ?$



324

A



329

B



348

C



342

D

Câu 15. Tính nhanh:



42 x 11

A. 462

B. 432

C. 421

Câu 16. Tính nhanh: $42 \times 98 = ?$



A



B



C



D

Câu 17. Tính nhanh:



$$26 \times 25 \times 4$$

A. 2600

B. 260

C. 26000

Câu 18. Tìm, biết:



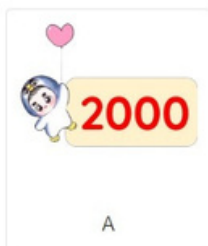
$$8 \times 24 + 8 \times 76$$

A. 800

B. 80

C. 8000

Câu 19. Tính nhanh: $24 \times 125 = ?$



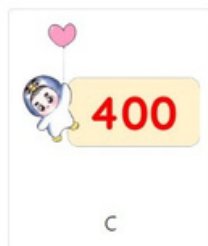
2000

A



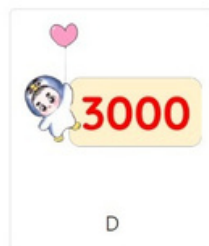
4000

B



400

C



3000

D

Câu 20. Tính nhanh:



$$16 \times 25$$

A. 400

B. 800

C. 200



Câu 21. Tính nhanh:



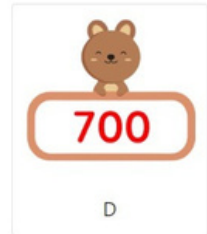
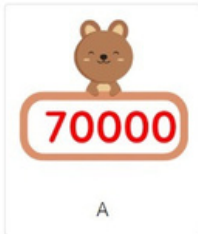
$$24 \times 38 - 24 \times 28$$

A. 240

B. 2400

C. 24

Câu 22. Tính nhanh: $28 \times 250 = ?$



Câu 23. Năm nay Shane 8 tuổi, mẹ của bạn ấy 38 tuổi. Hỏi cách đây bao nhiêu năm nữa thì tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi của Shane?



A. 7 năm

B. 9 năm

C. 2 năm

Câu 24. Hai năm trước mẹ hơn Nam 24 tuổi và mẹ 29 tuổi. Hỏi năm nay Nam bao nhiêu tuổi?



Câu 25. Năm nay Anan 7 tuổi, tuổi bố gấp 5 lần tuổi AnAn. Hỏi năm nay bố AnAn bao nhiêu tuổi?



A. 35 tuổi

B. 32 tuổi

C. 42 tuổi

Câu 26. Tuổi của Mai năm nay là 7 tuổi, 3 năm sau, tuổi của anh Mai hơn Mai 2 tuổi. Hỏi năm nay anh của Mai bao nhiêu tuổi?



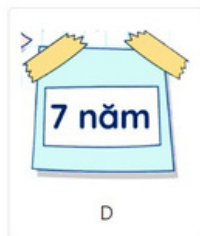
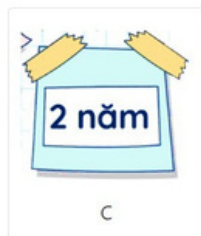
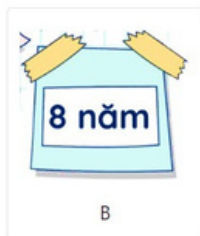
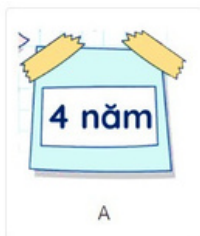
Câu 27. Nam năm nay 8 tuổi, em 2 tuổi. Hỏi em sẽ bao nhiêu tuổi khi tổng tuổi của hai anh em là 24?



Câu 28. Mẹ hơn Lan 24 tuổi, biết tuổi của mẹ gấp 4 lần tuổi của Lan. Hỏi mẹ và Lan bao nhiêu tuổi?



Câu 29. Năm nay Josh 16 tuổi, em Josh năm nay 10 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa, tổng tuổi của hai người là 42 tuổi?



Câu 30. Lan năm nay 11 tuổi, em Lan năm nay 9 tuổi. Hỏi hai chị Lan sẽ bao nhiêu tuổi khi tổng tuổi của 2 chị em là 42 tuổi?



A. Lan 20 tuổi, em 19 tuổi

B. Lan 24 tuổi, em 20 tuổi

C. Lan 22 tuổi, em 20 tuổi

Câu 31. Nhà của Anan có 3 thành viên gồm bố, mẹ và Anan. Tổng tuổi của cả 3 người là 70 tuổi, hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tổng tuổi của ba người sẽ là 94 tuổi?



A. 7 năm nữa

B. 9 năm nữa

C. 8 năm nữa

Câu 32. Tổng tuổi của mẹ và Andy là 42 tuổi, chị gái Andy ít hơn mẹ 29 tuổi, Andy lại ít hơn chị 3 tuổi. Hỏi Andy và chị mỗi người bao nhiêu tuổi?



Câu 33. Tổng tuổi của bố và mẹ là 81 tuổi, sau 4 năm nữa, bố hơn mẹ 3 tuổi. Hỏi năm nay, bố và mẹ mỗi người bao nhiêu tuổi?

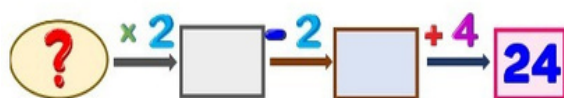


A. Mẹ 39 tuổi, bố 42 tuổi

B. Mẹ 37 tuổi, bố 40 tuổi

C. Mẹ 42 tuổi, bố 39 tuổi

Câu 34. Số cần tìm là:

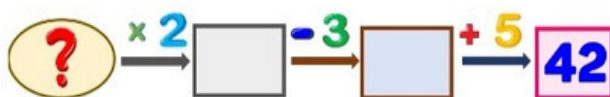


A. 11

B. 21

C. 32

Câu 35. Số cần tìm là:

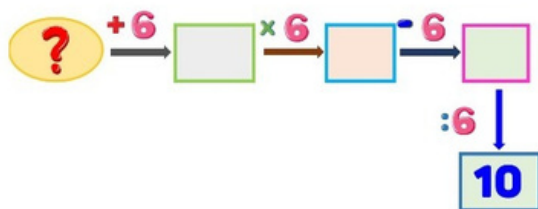


A. 24

B. 20

C. 28

Câu 36. Số cần tìm là:



A. 5

B. 7

C. 6

Câu 37. Lan có một số kẹo, biết rằng khi Lan cho em nửa số kẹo, rồi Lan cho bác Huệ 2 viên kẹo, thì Lan còn lại 6 viên. Hỏi lúc đầu Lan có bao nhiêu viên kẹo?



A. 24 viên kẹo

B. 16 viên kẹo

C. 19 viên kẹo

Câu 38. Mẹ cho Jack một số tiền. Jack mua kẹo hết 3\$, mua bút hết 7\$, về nhà Jack được bố cho thêm 9\$, thì lúc này Jack có 18\$. Hỏi, mẹ cho Jack bao nhiêu tiền?

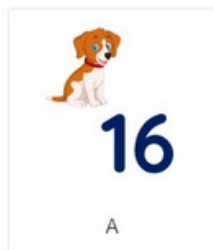


A. 18\$

B. 17\$

C. 19\$

Câu 39. Trừ một số cho 4. Nhân hiệu số nhận được với 2. Chia tích đó cho 8. Thương số cuối cùng vẫn là 5. Hỏi đó là số nào?



Câu 40. Minh cho Nam một số viên bi, Lan cho thêm Nam 20 viên bi, rồi Nam cho em một nửa số bi, thì Nam còn lại 32 viên bi. Hỏi Minh cho Nam bao nhiêu viên bi?



A. 42 viên bi

B. 44 viên bi

C. 49 viên bi

Câu 41. Có 24 con chim sẻ đậu trên 2 cành cây. 6 con bay từ cành thứ nhất sang cành thứ hai. 8 con lại bay từ cành thứ hai sang cành thứ nhất. Khi đó số con chim trên hai cành cây bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi cành cây có bao nhiêu con chim?



A. Cành thứ nhất có 10 con chim, cành thứ 2 có 14 con chim.

B. Cành thứ nhất có 12 con chim, cành thứ 2 có 12 con chim.

Câu 42. Max có một túi kẹo. Alison cho thêm 9 cái, sau đó Max cho em họ 2 cái và ăn một nửa số kẹo còn lại. Bây giờ Max còn lại 18 cái kẹo. Hỏi lúc đầu Max có bao nhiêu cái kẹo?



A. 24 viên kẹo

B. 29 viên kẹo

C. 27 viên kẹo

Câu 43. Lúc đầu Joe và Mary có tổng cộng 160\$. Sau khi Joe đưa 42\$ cho Mary và Mary đưa 48\$ cho Joe thì số tiền của 2 bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

A. Joe có 73\$, Mary có 87\$

B. Joe có 79\$, Mary có 81\$

C. Joe có 74\$, Mary có 86\$



**Đáp án chủ đề 6**

1B, 2C, 3B, 4C, 5C, 6A, 7A, 8C, 9D,
10C, 11B, 12B, 13A, 14D, 15A, 16C, 17A,
18A, 19D, 20A, 21A, 22C, 23C, 24D, 25A,
26B, 27D, 28B, 29B, 30C, 31C, 32C, 33A,
34A, 35B, 36A, 37B, 38C, 39D, 40B, 41A,
42B, 43C.



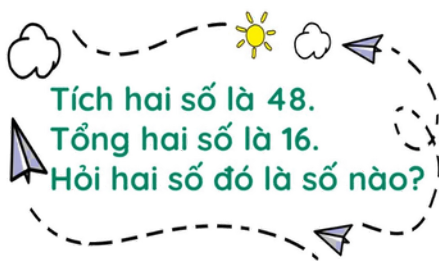
Chủ đề 7: Lập danh sách. IQ và logic. Thừa và thiếu

I. Kiến thức trọng tâm

1. Lập danh sách

- Khai thác tất cả các dữ kiện để cho để lập danh sách phù hợp.

à Ví dụ:



Giải

Với dữ kiện “*Tích hai số là 48*”, ta có danh sách các phép nhân có tích là 48 như sau:

$$2 \times 24 = 48$$

$$3 \times 16 = 48$$

$$4 \times 12 = 48$$

$$6 \times 8 = 48$$

Với dữ kiện “*Tổng hai số là 16*”, ta tiếp tục lập bảng với các số hạng là các thừa số ở danh sách trên và ta có:

Số thứ nhất	2	3	4	6
Số thứ hai	24	16	12	8
Tổng	26	19	16	14

Vậy hai số đó là 4 và 12.

2. IQ và logic

à Ví dụ 1: Trong một bữa tiệc sinh nhật, ba bạn Mary, Kim và Anan đã chọn cho mình những quả bóng bay với những màu sắc khác nhau. Biết rằng, Mary không cầm quả bóng màu xanh, Anan không cầm quả bóng màu xanh và quả bóng màu vàng. Hỏi Kim cầm quả bóng màu gì?

Giải

				
Mary				Mary không cầm quả bóng màu xanh
Kim				
Anan				Anan không cầm quả bóng màu xanh và vàng

Mary cầm quả bóng màu vàng, Kim cầm quả bóng màu xanh, Anan cầm quả bóng màu đỏ

à Ví dụ 2: Trong lớp học, có ai đó đã xả rác ra phòng học. Cô giáo đã rút gọn được 3 đối tượng tình nghi. Và khi hỏi, ba bạn đã trả lời:

- Joshua: Em không phải là người đã xả rác ạ!
- Paul: Cũng không phải em ạ!
- James: Joshua đã ném đấy ạ!

Nếu 1 trong số họ nói thật thì ai đã xả rác ra phòng?

Nếu Joshua đã xả rác,

Bảng 1	Nói thật	Nói dối
Joshua		
Paul		
James		

Nếu Paul đã xả rác,

Bảng 2	Nói thật	Nói dối
Joshua		
Paul		
James		

Nếu James đã xả rác,

Bảng 3	Nói thật	Nói dối
Joshua		
Paul		
James		

Nếu 1 trong 3 bạn nói thật thì Paul là người đã xả rác

3. Thừa và thiếu

+ Sử dụng dữ kiện "thừa", "thiếu" của bài toán để tìm mối liên hệ các đại lượng trong bài toán. Và có thể sử dụng sơ đồ hình vẽ để biểu diễn và đưa về các dạng toán quen thuộc để giải bài toán.

à Ví dụ: Jack có một giỏ táo. Nếu mỗi ngày bạn ăn **6** quả táo thì sau vài ngày sẽ còn lại **18** quả. Nếu mỗi ngày bạn ăn hết **10** quả táo thì sau cùng số ngày đó sẽ cần thêm **2** quả táo nữa. Hỏi sau bao nhiêu ngày thì Jack ăn hết giỏ táo?

Giải

6 quả táo còn lại 18 quả táo
10 quả táo cần thêm 2 quả táo

- ✓ Số quả táo mỗi ngày ăn thêm là:
 $10 - 6 = 4$ (quả)
- ✓ Số quả táo cần thêm là:
 $18 + 2 = 20$ (quả)
- ✓ Số ngày Jack ăn hết là:
 $20 : 4 = 5$ (ngày)



à Ví dụ 2: Trong một dự án trồng cây, mỗi tình nguyện viên trồng số cây như nhau. Nếu mỗi người trồng 8 cây, thì sẽ còn lại 10 cây. Nếu mỗi người trồng 11 cây, thì một người không có cây để trồng. Hỏi có bao nhiêu cây cần được trồng?

Giải

8 cây thừa 10 cây
11 cây thiếu 11 cây



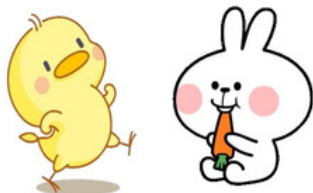
- ✓ Số cây mỗi người trồng thêm là:
 $11 - 8 = 3$ (cây)
- ✓ thừa + thiếu
 $10 + 11 = 21$ (cây)
- ✓ Số tình nguyện viên là:
 $21 : 3 = 7$ (người)
- ✓ Số cây đã trồng là:
 $11 \times 7 - 11 = 8 \times 7 + 11 = 66$ (cây)



Bộ câu hỏi trắc nghiệm



Câu 1. Nhà bác Lan nuôi tổng cộng có 24 con gà và thỏ, và có tổng cộng 60 chân. Hỏi có bao nhiêu gà và bao nhiêu con thỏ?



A. 20 con gà và 4 con thỏ

B. 18 con gà và 6 con thỏ

C. 16 con gà và 8 con thỏ

Câu 2. Trong bãi đỗ xe có tổng cộng 24 xe ô tô và xe máy và có tất cả 80 bánh xe. Hỏi có bao nhiêu ô tô và bao nhiêu xe máy?

A. 16 ô tô và 8 xe máy

B. 12 ô tô và 12 xe máy

B. 18 ô tô và 6 xe máy



Câu 3. Nhà bác Minh nuôi tất cả 32 con gà và chó, và có tất cả 80 cái chân. Hỏi có bao nhiêu con gà và bao nhiêu con chó?



A. 20 con gà và 12 con chó

B. 30 con gà và 2 con chó

C. 24 con gà và 8 con chó

Câu 4. Có tất cả 12 con chuồn chuồn và nhện với tổng cộng 92 chân. Hỏi có bao nhiêu chuồn chuồn và bao nhiêu con nhện?



A. 2 con nhện và 10 con chuồn chuồn

B. 4 con nhện và 8 con chuồn chuồn

C. 10 con nhện và 2 con chuồn chuồn

Câu 5. Jack có 24 đồng xu gồm 50 xu và 20 xu. Tổng giá trị của các đồng xu là 1080 xu. Hỏi Jack có bao nhiêu đồng xu mỗi loại?



A. 20 đồng xu 50 và 4 đồng xu 20

B. 30 đồng xu 50 và 40 đồng xu 20

C. 4 đồng xu 50 và 50 đồng xu 20

Câu 6. Để thuận lợi cho học sinh trong trường vui chơi thể thao, nhà trường đã chi 676\$ để mua 18 quả bóng chuyền và bóng rổ. Bóng chuyền có giá 42\$ một quả, quả rổ chuyền có giá là 32\$ một quả. Hỏi nhà trường mua bao nhiêu quả bóng chuyền và bóng rổ?

A. 10 quả bóng rổ và quả 8 bóng chuyền

B. 8 quả bóng rổ và quả 10 bóng chuyền

C. 9 quả bóng rổ và 9 quả bóng chuyền



Câu 7. Một con nhện có 8 cái chân, một con kiến có 6 cái chân, 24 con nhện và kiến có tất cả 160 cái chân. Hỏi có bao nhiêu con nhện và bao nhiêu con kiến?



A. 16 con kiến và 8 con nhện

B. 18 con kiến và 6 con nhện

C. 9 con kiến và 15 con nhện

Câu 8. Trong bài làm kiểm tra có tất cả 20 câu, một câu đúng được cộng 5 điểm, một câu sai bị trừ 4 điểm, Linh làm được 82 điểm. Hỏi Linh đã làm đúng bao nhiêu câu?



A. 18 câu

B. 19 câu

C. 16 câu

Câu 9. Tìm giá trị của hộp quà.

$$\text{Hộp quà} + \text{Giày} = 48$$

$$\text{Hộp quà} = \text{Giày} + \text{Giày} + \text{Giày}$$

A. 36

B. 32

C. 42

Câu 10. Giá trị của quả chuông là:

$$\text{Chuông} + \text{Candy cane} = 35$$

$$\text{Chuông} = \text{Candy cane} + \text{Candy cane} + \text{Candy cane} + \text{Candy cane}$$

A. 24

B. 28

C. 42

Câu 11. Tìm giá trị của cây thông Noel.

A. 2

B. 4

C. 8

$$\text{Ornament} + \text{Tree} = 16$$

$$\text{Tree} = \text{Ornament}$$

Câu 12. Hãy chọn đáp án đúng cho câu hỏi sau:

Tìm giá trị của

$$\text{Santa} + \text{Tree} + \text{Tree} + \text{Tree} = 16$$

$$\text{Tree} + \text{Santa} + \text{Santa} + \text{Santa} = 24$$

A. 3

B. 2

C. 4

Câu 13. Mary là chị của Jack. Anan là chị của LyLy. LyLy là mẹ của Jack. Vậy Anan có quan hệ gì với Mary?



A. Dì

B. Chị

C. Mẹ

Câu 14. Trong một cuộc thi chạy, bốn bạn Hùng, Nam, Tiến và Minh đã về đích với những thứ hạng như sau: Hùng về đích trước Nam, Tiến về đích trước Nam nhưng về sau Hùng, Minh về đích chậm hơn Nam. Xác định thứ tự về đích của các bạn (từ người về nhanh nhất)



A. Hùng, Tiến, Minh và Nam

B. Hùng, Tiến, Nam và Minh

C. Hùng, Nam, Minh và Tiến

Câu 15. Jack, Andy và Andrew mỗi người là chủ nhân của một con vật, nào là chó, mèo và thỏ. Biết rằng, Andrew không thích nuôi chó, Andy lại không thích nuôi chó và thỏ. Xác định con vật nuôi của Andrew.

A. Chó

B. Mèo

C. Thỏ



Câu 16. Andy, Jack và Andrew mỗi người một nghề nghiệp khác nhau. Trong đó một người là giáo viên, một người làm họa sĩ và người còn lại làm kỹ sư. Andy không cùng tuổi với người làm họa sĩ, Jack nhiều tuổi hơn người làm họa sĩ và giáo viên. Hỏi Andy làm nghề gì?



Andy



Jack



Andrew

A. Giáo viên

B. Họa sĩ

C. Kỹ sư

Câu 17. Không thấy một cái bánh dâu trong tủ lạnh, mẹ nghi ngờ 1 trong những đứa trẻ lấy mất cái bánh. Dưới đây là câu hỏi của chúng khi mẹ hỏi mỗi đứa.

Mary: Con không lấy bánh dâu! _Cindy: Mary đã lấy đấy ạ! _Jack:
Cindy đã ăn cái bánh đó đấy ạ!

Nếu một trong 3 bạn nói dối, thì ai đã lấy chiếc bánh.



A. Mary

B. Cindy

C. Jack

Câu 18. Ba bạn nhỏ Andy, Andrew và Jack chơi đá bóng, vô tình đá trúng vào cô An, khi cô An hỏi, ba bạn đã trả lời như sau:

Andy: Jack đã đá đấy cô.

Andrew: Không phải con đâu ạ!

Jack: Andy đã đá trúng cô đấy ạ.

Nếu như không có bạn nào nói thật, thì ai là người đã đá trúng cô An?

A. Andrew

B. Jack

C. Andy



Câu 19. Ba bạn Lan, Linh và Mai dẫn nhau đi siêu thị, đến cửa hàng bán quần áo, ba bạn mỗi người mua một chiếc váy có màu mà mình thích, và có các màu là: đỏ, vàng, xanh. Biết rằng, Lan không thích màu đỏ, Mai lại không thích màu xanh và màu đỏ, Linh không thích váy màu vàng. Xác định Linh đã mua váy màu gì?



A. Váy xanh

B. Váy vàng

C. Váy đỏ

Câu 20. Có bao nhiêu số trong khoảng từ 2 đến 31 chia hết cho 3?

10

A

11

B

7

C

9

D

Câu 21. Có bao nhiêu số trong khoảng từ 3 đến 94 chia hết cho 5?



24

A



18

B



16

C



15

D

Câu 22. Có bao nhiêu cách để tạo thành một số có 3 chữ số từ các số 2, 4, 3, biết mỗi số kết hợp chỉ được xuất hiện 1 lần?

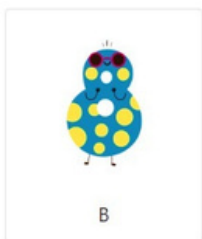


A. 6 cách

B. 7 cách

C. 8 cách

Câu 23. Có bao nhiêu cách để tạo thành một số có 3 chữ số từ các số 7, 8, 9, biết mỗi số kết hợp chỉ được xuất hiện 1 lần?



Câu 24. Jane có 2 chiếc váy khác nhau và 4 chiếc áo khác nhau. Hỏi Jane có thể có bao nhiêu bộ váy áo từ những chiếc váy và áo đó?



A. 8 bộ váy áo

B. 9 bộ váy áo

C. 7 bộ váy áo

Câu 25. Trong cửa hàng có 2 loại cặp học sinh và 5 hộp bút chì khác nhau. Hỏi George có bao nhiêu cách kết hợp khác nhau nếu bạn ấy chỉ cần một chiếc cặp học sinh và một hộp bút chì?



A. 9 cách

B. 10 cách

C. 11 cách

Câu 26. Cô giáo chia một túi kẹo cho học sinh. Nếu mỗi học sinh được chia 3 viên kẹo, cô giáo sẽ còn thừa 1 viên kẹo. Nếu mỗi học sinh được chia 4 viên kẹo, cô giáo sẽ còn thiếu 2 viên kẹo. Hỏi cô giáo có bao nhiêu viên kẹo?



A



B



C



D

Câu 27. Cô Huệ cho những đứa trẻ hàng xóm một ít bánh quy. Nếu mỗi đứa trẻ nhận 5 cái bánh quy thì sẽ dư 1 cái bánh quy. Nếu mỗi đứa trẻ nhận 6 cái bánh quy, thì cô sẽ thiếu 5 cái bánh quy nữa. Hỏi có bao nhiêu cái bánh quy tất cả?



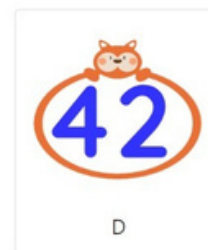
A



B

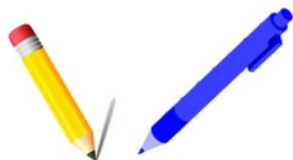


C



D

Câu 28. Mẹ cho Lan 57\$ để mua đồ dùng học tập. Lan đã mua tất cả 16 cây bút chì và bút bi. Một cây bút bi có giá là 4\$, một cây bút chì có giá là 3\$. Hỏi Lan đã mua bao nhiêu cây bút chì và bao nhiêu cây bút bi?



A. 7 bút bi và 9 bút chì

B. 10 bút bi và 6 bút chì

C. 9 bút bi và 7 bút chì

**Đáp án chủ đề 7**

1B, 2A, 3C, 4C, 5A, 6B, 7A, 8A,
9A, 10B, 11C, 12A, 13A, 14B, 15C, 16A,
17B, 18A, 19C, 20A, 21B, 22A, 23C, 24A,
25B, 26A, 27B, 28C.

